

THỰC ĐƠN ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ
Trường PTDT bán trú THCS Mường Nhé
Thời gian ăn Từ ngày 1/11/2025 đến 9/11/2025
Số HS bán trú: 758 người

Thứ	Ngày	Sáng	Trưa	Tối
7	1/11/2025	Bánh mì nhân kem	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
CN	2/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Trứng vịt trắng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
2	3/11/2025	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
3	4/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
4	5/11/2025	Bánh mì nhân đỗ	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn kho củ cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
5	6/11/2025	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
6	7/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
7	8/11/2025	Bánh mì nhân kem	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	
CN	9/11/2025			Trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ

Người lập



Nguyễn Thị Hương

Hiệu trưởng



Dương Tiến Công

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ
TRƯỜNG PTĐT BÀN TRƯU THCS MƯỜNG NHÉ



THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 11
Thời gian ăn từ ngày 01/11/2025 đến ngày 9/11/2025
Số lượng người ăn: 758 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn						
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền				
Thứ 7 1/11/2025	Dầu ăn neptune	Lít	20	65.000	1.300.000													Gia vị ăn cả tháng				
	Dầu rửa sunlight can 3,6 kg	can	30	100.000	3.000.000																	
	Cọ xoong	Bịch	2	50.000	100.000																	
	Muối i ốt hạt to	Kg	80	7.000	560.000																	
	Mỹ chính vedan	Kg	12	65.000	780.000																	
Tổng tiền																	5.740.000					
Thứ 7 ngày 1/11/2025	Bánh mì nhân kem	gói	758	8000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170		Cấp phát			Kg	170		Cấp phát					
							Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000			Kg	1,0	60.000	60.000		Kg	1,0	60.000	60.000
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			Kg	57	135.000	7.695.000		Kg	57	135.000	7.695.000
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000			Kg	60	18.000	1.080.000		Kg	60	18.000	1.080.000
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000			kg	60	25.000	1.500.000		Kg	50	18.000	900.000
Tổng tiền																	25.839.000					
CN 2/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170		Cấp phát			Kg	170		Cấp phát					
							Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000			quả	950,0	4.000	3.800.000		Kg	950,0	4.000	3.800.000
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000			Kg	60	25.000	1.500.000		Kg	1,0	60.000	60.000
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000			Kg	7	35.000	245.000		Kg	50	18.000	900.000
							Rau cải	Kg	30	18.000	540.000			Kg	30	18.000	540.000				0	
Tổng tiền																	4.760.000	20.864.000				

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn	
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá
Thứ hai 3/11/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	758	6.064.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000	Thịt lợn xào quả ớt Canh bí đỏ, Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000
						Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			Kg	60	28.000	1.680.000
						Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000			Kg	50	18.000	900.000
										0			Kg	1,0	60.000	60.000
Tổng tiền				6.064.000					14.325.000						10.335.000	30.724.000
Thứ ba 4/11/2025	Xôi nước thịt lợn	hộp	758	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000	Thịt gà ta lai sống	Thịt gà ta lai	Kg	142,0	105.000	14.910.000
						Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000			Kg	3	30.000	90.000
						Cà chua	kg	7	35.000	245.000	Canh bí đỏ, Com tẻ	Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
						Hành lá	Kg	1	60.000	60.000						
Tổng tiền				6.064.000					10.130.000						15.900.000	32.094.000
Thứ tư 5/11/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	758	6.064.000	Thịt lợn xào bí xanh, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000	Thịt lợn kho củ cải, Canh bí đỏ, Com tẻ	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000
						Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000			kg	70	22.000	1.540.000
						Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Thịt vai, móng lợn	kg	57	135.000	7.695.000
						Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
Tổng tiền				6.064.000					9.645.000						10.195.000	25.904.000
Thứ năm 6/11/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	758	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát			Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	
						Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000	Thịt lợn xào rau bắp cải, Canh bí đỏ, Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	57,0	135.000	7.695.000
						Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000
						Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000
						Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Bắp cải	Kg	60	18.000	1.080.000
Tổng tiền				6.064.000					10.130.000						9.735.000	25.929.000

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn				
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền						
Thứ sáu 7/11/2025	Xôi rức thịt lợn	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát		Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000	Cơm tẻ	kg	57	135.000	7.695.000	
											0		Kg	50	18.000	900.000	
Tổng tiền					6.064.000					14.325.000				9.735.000	30.124.000		
Thứ 7 8/11/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	758	8000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	145	Cấp phát							
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000						
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000						
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000						
							Thịt vai, móng lợn	Kg	55	135.000	7.425.000						
Tổng tiền					6.064.000					9.770.000				0	15.834.000		
CN 9/11/2025						trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	115	Cấp phát		Trứng vịt nở	Quả	780	4.000	3.120.000	
											Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		
											Rau bắp cải	Kg	25	18.000	450.000		
							Tổng tiền					0					

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Thị trưởng đơn vị



Dương Tiến Công